



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thông tin về Tổng Công ty

Các văn bản thành lập Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 12) là ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Hội đồng Quản trị

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên
Ông Đoàn Quốc Khánh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Ngọc Trâm	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thái Thoại Trân	Trưởng ban
Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Thu	Thành viên (từ ngày 23/4/2025)
Ông Trương Anh Vũ	Thành viên (đến ngày 23/4/2025)

Trụ sở đăng ký

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00161-25-2



Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1

HÀ NỘI

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.111.070.371.019	4.077.377.193.831
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	592.845.211.650	420.708.312.481
Tiền	111		231.845.211.650	80.708.312.481
Các khoản tương đương tiền	112		361.000.000.000	340.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.711.375.146.021	2.989.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	2.711.375.146.021	2.989.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		384.802.549.372	360.531.392.858
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	259.360.609.117	212.957.874.264
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	31.399.738.100	55.078.818.716
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	95.827.866.836	98.189.135.545
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(1.785.664.681)	(5.694.435.667)
Hàng tồn kho	140	14	376.430.996.443	259.498.755.477
Hàng tồn kho	141		387.652.488.101	264.793.078.934
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.221.491.658)	(5.294.323.457)
Tài sản ngắn hạn khác	150		45.616.467.533	47.338.733.015
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	12.081.756.365	10.121.406.212
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.140.808.772	13.599.703.345
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	23(a)	23.393.902.396	23.617.623.458

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		2.827.225.988.558	2.738.207.494.178
Các khoản phải thu dài hạn khác	210		651.767.882	635.015.165
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	651.767.882	635.015.165
Tài sản cố định	220		2.026.343.100.931	1.481.985.359.926
Tài sản cố định hữu hình	221	15	1.636.602.373.343	1.074.641.512.241
Nguyên giá	222		2.682.015.174.978	2.083.591.673.878
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.045.412.801.635)	(1.008.950.161.637)
Tài sản cố định vô hình	227	16	389.740.727.588	407.343.847.685
Nguyên giá	228		692.155.808.579	695.143.808.579
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(302.415.080.991)	(287.799.960.894)
Tài sản dở dang dài hạn	240		538.458.619.610	884.968.336.598
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	17	16.352.207.856	20.571.420.405
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	18	522.106.411.754	864.396.916.193
Đầu tư tài chính dài hạn	250		172.603.868.807	252.487.650.621
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	172.520.149.207	172.403.931.021
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(c)	22.378.531.927	22.378.531.927
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(c)	(22.294.812.327)	(22.294.812.327)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	-	80.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		89.168.631.328	118.131.131.868
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	19.218.271.316	25.946.388.259
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	20(a)	1.266.234.142	-
Lợi thế thương mại	269	21	68.684.125.870	92.184.743.609
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.938.296.359.577	6.815.584.688.009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		939.705.372.137	807.906.907.427
Nợ ngắn hạn	310		837.176.701.773	698.534.532.775
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	339.595.100.208	381.625.195.442
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.211.810.271	4.698.071.846
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23(b)	45.596.940.619	9.661.048.509
Phải trả người lao động	314		17.222.664.426	23.294.510.881
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	118.064.385.863	98.563.294.515
Phải trả ngắn hạn khác	319	25(a)	10.805.280.748	6.352.960.875
Vay ngắn hạn	320	26	228.000.000.000	99.000.000.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.576.382.720	2.461.920.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	27	69.104.136.918	72.877.530.707
Nợ dài hạn	330		102.528.670.364	109.372.374.652
Phải trả dài hạn khác	337	25(b)	711.927.552	722.927.552
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20(b)	99.186.542.986	105.494.756.743
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.630.199.826	3.154.690.357
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.998.590.987.440	6.007.677.780.582
Vốn chủ sở hữu	410	28	5.998.590.987.440	6.007.677.780.582
Vốn cổ phần	411	29	2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.124.916.110.000	2.124.916.110.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.192.426.603.378	1.192.426.603.378
Vốn khác của chủ sở hữu	414		37.813.265.256	37.813.265.256
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.403.513.800)	(64.809.947.101)
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	116.421.721.734	116.421.721.734
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		130.598.703.587	122.473.412.211
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		122.473.412.211	81.379.034.433
- LNST kỳ này/năm nay	421b		8.125.291.376	41.094.377.778
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.460.818.097.285	2.478.436.615.104
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.938.296.359.577	6.815.584.688.009

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	1.445.665.878.345	1.449.684.365.914
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	1.875.681.985	955.089.897
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	32	1.443.790.196.360	1.448.729.276.017
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	11	33	1.116.092.550.399	1.054.902.573.546
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		327.697.645.961	393.826.702.471
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	97.274.434.169	94.997.131.658
Chi phí tài chính	22	35	3.491.243.841	62.770.110
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.146.342.467	5.931.935
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24		116.218.186	(2.232.890.418)
Chi phí bán hàng	25	36	285.941.275.517	346.514.897.129
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	82.789.934.677	79.745.102.852
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		52.865.844.281	60.268.173.620
Thu nhập khác	31	38	6.439.934.125	7.914.334.949
Chi phí khác	32	39	7.464.720.450	13.423.998.211
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(1.024.786.325)	(5.509.663.262)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		51.841.057.956	54.758.510.358
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	18.581.243.939	16.575.760.636
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	41	(7.574.447.899)	(6.086.216.901)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		40.834.261.916	44.268.966.623

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		40.834.261.916	44.268.966.623
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty mẹ	61		15.855.883.128	14.138.197.974
Cổ đông không kiểm soát	62		24.978.378.788	30.130.768.649
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	40	37

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	51.841.057.956	54.758.510.358
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	101.180.811.462	89.577.469.219
Các khoản dự phòng	03	1.608.369.404	(169.949.314)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(38.975.811)	129.070
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(92.298.548.761)	(85.290.780.149)
Chi phí lãi vay	06	3.146.342.467	5.931.935
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	65.439.056.717	58.881.311.119
Biến động các khoản phải thu	09	(42.075.971.670)	(67.080.752.804)
Biến động hàng tồn kho	10	(122.257.207.686)	(92.067.298.288)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	92.868.037.166	34.921.129.497
Biến động chi phí trả trước	12	4.767.766.790	2.455.366.808
		(1.258.318.683)	(62.890.243.668)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.885.325.521)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.260.338.017)	(4.083.001.439)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(16.124.419.847)	(25.713.393.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(30.528.402.068)	(92.686.638.755)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(343.798.476.357)	(502.986.048.767)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	2.805.557.173	5.158.511.174
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và ứng vốn đầu tư cho các hộ nông dân	23	(1.533.075.146.021)	(3.156.400.000.000)
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn và nhận lại ứng vốn đầu tư	24	1.891.000.000.000	1.813.963.539.600
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	983.316.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	93.320.079.442	154.680.756.383
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	111.235.330.237	(1.685.583.241.610)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025**
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03a – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	7.200.000.000	722.407.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	228.000.000.000	20.818.811.166
Tiền trả nợ gốc vay	34	(99.000.000.000)	-
Tiền trả cổ tức	36	(44.770.029.000)	(44.770.029.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	91.429.971.000	698.455.782.166
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	172.136.899.169	(1.079.814.098.199)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	420.708.312.481	1.333.640.975.908
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(129.070)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	592.845.211.650	253.826.748.639

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:


Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:

Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 11 năm 2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con, và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Thực hiện hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bán buôn theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Bán lẻ thịt và các sản phẩm từ thịt.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2025: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) như sau:

STT	Tên Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	30/6/2025		1/1/2025	
				Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Tỷ lệ % sở hữu
Công ty con cấp 1							
1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”)	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Sơn La	59,30%	59,30%	59,30%	59,30%
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ bò	Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty con cấp 2							
1	Công Ty TNHH JV Meat (“JVM”) (*)	Chế biến và bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	Phú Thọ	35,7%	35,7%	-	-
Công ty liên kết							
1	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi	Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
2	Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (**)	Kinh doanh, sản xuất chè	Hà Nội	16,23%	16,23%	16,23%	16,23%
3	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm	Lâm Đồng	38,30%	38,30%	38,30%	38,30%
4	Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ plastic	Đà Nẵng	40,06%	40,06%	40,06%	40,06%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty và các công ty con có 1.041 nhân viên (1/1/2025: 960 nhân viên).

(*) Trong năm, JVL thành lập Công ty TNHH JV Meat theo Quyết định số 01/2024/QĐ-JVL ngày 8 tháng 11 năm 2024, góp vốn 16.800.000.000 đồng, tương đương 70% vốn chủ sở hữu. Kết quả là, công ty trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn.

(**) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Gia súc

Gia súc được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của gia súc bao gồm tất cả các chi phí thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp đã phát sinh để hình thành và nuôi lớn gia súc cho đến khi đưa gia súc đến trạng thái hoạt động cho mục đích sản xuất đã dự kiến (khi gia súc đạt đủ 16 tháng tuổi).

Tài sản cố định hữu hình khác

Tài sản cố định hữu hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khác bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình khác đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình khác vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình khác.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ Máy móc và thiết bị	4 – 30 năm
▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 10 năm
▪ Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ Gia súc	4 – 7 năm
▪ Tài sản khác	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu

Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu là các tài sản cố định vô hình mà Tổng Công ty có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại thời điểm Tổng Công ty mua các công ty con.

Lợi thế quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian còn lại của các hợp đồng thuê đất. Lợi thế thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm. Lợi thế vùng nguyên liệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và các công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bò sữa. Do đó, Tổng Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong kỳ trước.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có sự thay đổi trọng yếu về các ước tính kế toán đã được thực hiện từ cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường của Tổng Công ty và các công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	85.410.889	35.130.285
Tiền gửi ngân hàng	231.759.800.761	80.673.182.196
Các khoản tương đương tiền (*)	361.000.000.000	340.000.000.000
	592.845.211.650	420.708.312.481

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	2.711.375.146.021	2.711.375.146.021	2.989.300.000.000	2.989.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	80.000.000.000	80.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngày báo cáo. Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTEP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

		30/6/2025			Giá trị hợp lý
		Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Địa chỉ				theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	90.316.355.786 (**)
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTEP (*)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	47.093.643.981 (**)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Đà Nẵng	6.750.000	40,06%	40,06%	25.900.788.516 (**)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	9.209.360.924 (**)
					172.520.149.207

		1/1/2025			Giá trị hợp lý
		Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	
Địa chỉ				theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	90.348.792.762 (**)
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTEP (*)	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	47.649.869.926 (**)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Đà Nẵng	6.750.000	40,06%	40,06%	25.125.397.604 (**)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	- (**)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	9.279.870.729 (**)
					172.403.931.021

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

30/6/2025						Giá trị hợp lý VND
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	8.358	0,0516%	0,0516%	83.719.600	-	(**)
				22.378.531.927	(22.294.812.327)	
1/1/2025						Giá trị hợp lý VND
Địa chỉ	Số lượng cổ phần	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(**)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(**)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	8.358	0,0516%	0,0516%	83.719.600	-	(**)
				22.378.531.927	(22.294.812.327)	

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.
- (**) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch trên thị trường thấp cho các khoản đầu tư này, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (***) Đại Hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty ngày 23 tháng 1 năm 2025 đã thông qua việc thoái vốn 491.658 cổ phần do Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng.

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	172.403.931.021	173.121.453.660
Phần lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết	116.218.186	(2.232.890.418)
Cổ tức nhận được từ các công ty liên kết	-	(1.800.000.000)
Số dư cuối kỳ	172.520.149.207	169.088.563.242

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	96.836.279.596	76.288.728.144
Bên khác		
Công ty Cổ phần Phát triển TNS Việt Nam	2.057.465.441	1.731.465.441
Công ty TNHH Aeon Việt Nam	2.075.555.985	-
Các khách hàng khác	158.391.308.095	134.937.680.679
	259.360.609.117	212.957.874.264

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 40 - 47 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	2.763.014.457	10.929.614.705
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	6.652.219.949	11.163.675.432
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	2.890.505.163	5.044.409.402
Công Ty TNHH KDDI Việt Nam	3.491.085.050	-
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	-	3.721.075.000
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	-	10.333.826.230
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	15.602.913.481	13.886.217.947
	31.399.738.100	55.078.818.716

12. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP	12.337.000	12.337.000
Bên khác		
Trích trước lãi tiền gửi	88.839.393.826	88.286.247.126
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu khác	6.447.336.010	9.361.751.419
	95.827.866.836	98.189.135.545

Các khoản phải thu phi thương mại từ bên liên quan không được đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ký cược, ký quỹ	651.767.882	635.015.165

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTPP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số năm quá hạn	30/6/2025		1/1/2025	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ khó có khả năng thu hồi</i> Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	Trên 3 năm	-	-	-	-
				3.721.075.000	(3.721.075.000)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	Trên 3 năm	-	-	-	-
				239.000.000	(239.000.000)
Công ty CP giống vật nuôi và cây trồng Đồng Giao	Trên 3 năm	1.486.400.000	(1.486.400.000)	-	-
		349.930.531	(299.264.681)	50.665.850	(247.960.667)
Các bên khác	0,5 - 3 năm				-
		1.836.330.531	(1.785.664.681)	50.665.850	(5.694.435.667)

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(1.785.664.681)

(5.694.435.667)

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua				
đang đi đường	1.794.126.288	-	-	-
Nguyên vật liệu	132.339.074.314	(1.022.066.726)	131.224.587.329	(667.108.103)
Công cụ và dụng cụ	6.175.148.626	-	3.420.121.847	(75.258.432)
Chi phí sản xuất				
kinh doanh dở dang	150.158.003.988	-	86.481.801.331	-
Thành phẩm	96.725.205.038	(10.199.424.932)	41.763.251.257	(4.551.956.922)
Hàng hóa	460.929.847	-	1.903.317.170	-
	387.652.488.101	(11.221.491.658)	264.793.078.934	(5.294.323.457)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

15. Tài sản cố định hữu hình

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các tài sản có nguyên giá 643.379 triệu VND (1/1/2025: 634.992 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

16. Tài sản cố định vô hình

	Lợi thế quyền thuê đất VNĐ	Lợi thế thương hiệu VNĐ	Lợi thế vùng nguyên liệu VNĐ	Phần mềm máy vi tính VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	5.520.946.000	524.680.003	695.143.808.579
Thanh lý	-	-	-	(2.988.000.000)	-	(2.988.000.000)
Số dư cuối kỳ	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	2.532.946.000	524.680.003	692.155.808.579
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	64.668.873.795	130.076.985.593	87.980.831.272	4.927.053.735	146.216.499	287.799.960.894
Khấu hao trong kỳ	3.897.603.112	8.062.991.229	5.453.606.323	43.407.009	145.512.424	17.603.120.097
Thanh lý	-	-	-	(2.988.000.000)	-	(2.988.000.000)
Số dư cuối kỳ	68.566.476.907	138.139.976.822	93.434.437.595	1.982.460.744	291.728.923	302.415.080.991
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	101.279.974.430	195.115.478.396	109.976.039.090	593.892.265	378.463.504	407.343.847.685
Số dư cuối kỳ	97.382.371.318	187.052.487.167	104.522.432.767	550.485.256	232.951.080	389.740.727.588

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có tài sản có nguyên giá 1.441 triệu VNĐ (1/1/2025: 4.429 triệu VNĐ) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển sang tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi bò đủ 16 tháng tuổi, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

Biến động chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	20.571.420.405	11.324.330.731
Tăng trong kỳ	10.823.543.693	9.827.160.036
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.042.756.242)	(6.384.985.424)
Số dư cuối kỳ	16.352.207.856	14.766.505.343

18. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	864.396.916.193	228.445.553.623
Tăng trong kỳ	227.815.591.652	686.295.925.049
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(567.874.304.962)	(7.042.038.996)
Chuyển sang hàng tồn kho	(602.201.481)	-
Xóa sổ và đưa vào chi phí	(1.629.589.648)	-
Số dư cuối kỳ	522.106.411.754	907.699.439.676

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trang trại du lịch sinh thái bò sữa công nghệ cao 4.000 con	278.249.322.542	143.242.557.097
Dự án Tam Đảo	113.749.446.278	629.390.173.226
Dự án Nhà máy sữa Hưng Yên	69.882.687.117	63.428.745.942
Dự án Nhà máy sữa công nghệ cao	27.895.118.548	5.582.119.748
Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Vilico Tower	2.664.654.545	2.664.654.545
Các công trình khác	29.665.182.724	20.088.665.635
	522.106.411.754	864.396.916.193

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công cụ dụng cụ	4.354.591.921	2.247.583.322
Chi phí quảng cáo	114.270.052	326.394.115
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.612.894.392	7.547.428.775
	12.081.756.365	10.121.406.212

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	10.501.730.992	15.444.657.267	25.946.388.259
Tăng trong kỳ	908.865.531	843.142.671	1.752.008.202
Phân bổ trong kỳ	(3.991.459.284)	(4.488.665.861)	(8.480.125.145)
Số dư cuối kỳ	7.419.137.239	11.799.134.077	19.218.271.316

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Tax rate	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Phát sinh từ lợi nhuận chưa thực hiện	20%	1.266.234.142	-

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	Thuế suất	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Phát sinh từ dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	20%	9.360.395.350	9.404.228.343
Phát sinh từ tài sản đánh giá lại	20%	89.826.147.636	96.090.528.400
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		99.186.542.986	105.494.756.743

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	10.061.548.909	2.012.309.781	4.723.017.623	944.603.525
Lỗi tính thuế	54.023.829.148	10.804.765.830	27.649.961.880	5.529.992.376
	64.085.378.057	12.817.075.611	32.372.979.503	6.474.595.901

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào những năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2027	Chưa quyết toán	19.175.216.014
2029	Chưa quyết toán	8.474.745.866
2030	Chưa quyết toán	26.373.867.268
		54.023.829.148

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Lợi thế thương mại

	Lợi thế thương mại VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	460.923.718.049
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	368.738.974.440
Phân bổ trong kỳ	23.500.617.739
Số dư cuối kỳ	392.239.592.179
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	92.184.743.609
Số dư cuối kỳ	68.684.125.870

22. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	3.561.060.603	1.798.622.554
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	11.768.781.914	8.457.252.082
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	1.380.000.000	1.913.700.000
Công Ty TNHH Một Thành Viên Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	1.824.939.868	664.819.676
Các bên khác		
Công ty TNHH Maeda Việt Nam	82.081.724.374	64.580.081.893
Các hộ chăn nuôi	33.349.284.785	49.635.070.519
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Thương mại Đại Dũng	30.285.347.074	59.463.066.884
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc Việt	-	28.651.123.677
Công ty cổ phần công nghệ SMOSA Việt Nam	18.756.599.034	27.983.983.281
Các bên khác	156.587.362.556	138.477.474.876
	339.595.100.208	381.625.195.442

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 20 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số (đã nộp)/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	15.434.664.385	1.637.002.526	(7.311.451.458)	9.760.215.453
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	8.124.870.779	1.637.002.526	-	9.761.873.305
Thuế thu nhập cá nhân	251.650	1.141.162.095	(207.554.065)	933.859.680
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	57.836.644	5.927.946.106	(3.398.277.390)	2.587.505.360
Thuế nhà thầu nước ngoài	-	756.171.472	(405.722.874)	350.448.598
	23.617.623.458	11.099.284.725	(11.323.005.787)	23.393.902.396

(*) Trong kỳ, Tổng Công ty tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến tiền tạm ứng của JVL cho việc chuyển nhượng Dự án Tam Đảo theo các quy định thuế.

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	29.185.998	28.710.418.046	(15.684.662.273)	13.054.941.771
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.009.045.636	18.581.243.939	(9.623.335.491)	17.966.954.084
Thuế thu nhập cá nhân	604.360.134	6.609.227.150	(5.507.271.134)	1.706.316.150
Thuế tài nguyên	16.773.200	87.461.327	(91.288.000)	12.946.527
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	13.046.013.210	(191.955.244)	12.854.057.966
Các loại thuế khác	1.683.541	88.815.689	(88.775.109)	1.724.121
	9.661.048.509	67.123.179.361	(31.187.287.251)	45.596.940.619

Các nghĩa vụ thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại (i)	51.747.504.236	51.185.676.782
Phải trả tiền mua sữa từ các hộ chăn nuôi	1.883.463.666	3.303.111.497
Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông	2.119.914.048	404.671.001
Chi phí bảo dưỡng máy móc	1.687.064.148	1.688.350.678
Chi phí lãi vay	2.416.420.679	1.155.403.733
Các khoản trích trước khác	58.210.019.086	40.826.080.824
	118.064.385.863	98.563.294.515

- (i) Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại thể hiện chi phí phải trả cho các khách hàng theo các chương trình khuyến mại Tổng Công ty và các công ty con đang áp dụng.

25. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Kinh phí công đoàn	1.202.078.812	288.553.836
Phải trả, thanh toán tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	520.029.336	850.358.888
Cổ tức phải trả	223.406.130	223.406.130
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	87.000.000	187.000.000
Phải trả liên quan tới lô hàng ủy thác nhập khẩu	3.641.514.300	3.641.514.300
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.131.252.170	1.162.127.721
	10.805.280.748	6.352.960.875

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Quỹ khuyến học và các quỹ khác	389.327.552	400.327.552
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	322.600.000	322.600.000
	711.927.552	722.927.552

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	99.000.000.000	228.000.000.000	(99.000.000.000)	228.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	3,8 – 4,2%	228.000.000.000	99.000.000.000

Khoản vay này có thời hạn 6 tháng và không có tài sản đảm bảo.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Số dư đầu kỳ	72.877.530.707	91.879.317.701
Trích lập trong kỳ	12.351.026.058	10.628.464.468
Sử dụng trong kỳ	(16.124.419.847)	(25.713.393.648)
Số dư cuối kỳ	69.104.136.918	76.794.388.521

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	132.180.196.331	368.973.120.483	1.615.748.300.609	5.407.247.648.956
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	14.138.197.974	30.130.768.649	44.268.966.623
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(44.770.029.000)	(44.770.029.000)
Điều chỉnh quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(15.758.474.597)	15.758.474.597	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	-	(6.302.679.430)	(4.325.785.038)	(10.628.464.468)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	722.407.000.000	722.407.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2024	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	116.421.721.734	392.567.113.624	2.319.190.255.220	6.118.525.122.111
Số dư tại ngày 1/1/2025	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.809.947.101)	116.421.721.734	122.473.412.211	2.478.436.615.104	6.007.677.780.582
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	15.855.883.128	24.978.378.788	40.834.261.916
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(44.770.029.000)	(44.770.029.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	(7.324.158.451)	(5.026.867.607)	(12.351.026.058)
Thanh lý khoản đầu tư	-	-	-	406.433.301	-	(406.433.301)	-	-
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	7.200.000.000	7.200.000.000
Số dư tại ngày 30/6/2025	2.124.916.110.000	1.192.426.603.378	37.813.265.256	(64.403.513.800)	116.421.721.734	130.598.703.587	2.460.818.097.285	5.998.590.987.440

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	212.491.611	2.124.916.110.000	212.491.611	2.124.916.110.000

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, một công ty được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	28.223.031.100	30.025.791.865
Từ hai đến năm năm	98.090.358.140	100.317.433.093
Trên năm năm	920.877.070.310	930.485.444.725
	1.047.190.459.550	1.060.828.669.683

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Xóa sổ trong năm	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	2025	3.721.075.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	2025	239.000.000	-
		3.960.075.000	-

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.754.926.610.103	2.557.850.468.848
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.413.729.307.134	1.449.594.557.133
	3.168.655.917.237	4.007.445.025.981

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	1.375.764.243.616	1.409.581.358.606
▪ Doanh thu bán hàng hóa	67.428.342.420	38.187.655.116
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.971.324.718	1.516.880.489
▪ Doanh thu khác	501.967.591	398.471.703
	1.445.665.878.345	1.449.684.365.914
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	58.137.518	118.099.160
▪ Chiết khấu thương mại	1.817.544.467	836.990.737
	1.875.681.985	955.089.897
Doanh thu thuần	1.443.790.196.360	1.448.729.276.017

33. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	1.046.388.562.523	1.018.381.516.641
▪ Hàng hóa đã bán	57.656.974.060	31.959.381.796
▪ Dịch vụ đã cung cấp	924.283.367	1.191.418.429
▪ Giá vốn khác	5.023.090.224	3.588.131.906
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.099.640.225	(217.875.226)
	1.116.092.550.399	1.054.902.573.546

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.873.226.142	92.696.900.177
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	2.332.373.752	2.256.820.242
Lãi chuyển nhượng phần vốn góp	983.316.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.542.464	43.411.239
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	38.975.811	-
	97.274.434.169	94.997.131.658

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.146.342.467	5.931.935
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	343.901.374	56.709.105
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	129.070
Các khoản khác	1.000.000	-
	3.491.243.841	62.770.110

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	27.165.855.091	23.488.580.128
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	294.446.714	75.465.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	575.549.781	610.866.738
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, hàng mẫu	230.976.420.545	291.035.262.981
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.556.069.697	16.821.680.141
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	2.426.118.696	3.684.105.471
Chi phí khác bằng tiền	6.946.814.993	10.798.935.977
	285.941.275.517	346.514.897.129

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	26.585.448.487	22.950.079.338
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	245.439.088	822.631.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.391.318.451	4.358.443.411
Phân bổ lợi thế thương mại	23.500.617.739	23.046.185.902
Thuế, phí, và lệ phí	3.721.967.629	6.505.349.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.472.026.171	14.002.445.783
Chi phí khác bằng tiền	8.873.117.112	8.059.967.260
	82.789.934.677	79.745.102.852

38. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.805.557.173	5.158.511.174
Các khoản khác	3.634.376.952	2.755.823.775
	6.439.934.125	7.914.334.949

39. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	5.479.768.740	10.331.740.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.190.606	414.584.069
Các khoản khác	1.950.761.104	2.677.673.358
	7.464.720.450	13.423.998.211

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.027.444.242.697	981.022.845.246
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo	239.561.161.707	286.922.025.317
Chi phí nhân công	103.750.498.232	89.492.977.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.646.003.117	66.226.159.102
Phân bổ lợi thế thương mại	23.500.617.739	23.046.185.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.356.902.200	67.117.529.667
Chi phí khác bằng tiền	35.123.621.322	44.186.105.166

41. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	17.966.954.083	16.384.105.746
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	614.289.856	191.654.890
	18.581.243.939	16.575.760.636
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(7.574.447.899)	(6.086.216.901)
	11.006.796.040	10.489.543.735

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51.841.057.956	54.758.510.358
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	10.368.211.591	10.951.702.072
Chi phí không được khấu trừ	374.286.626	381.642.875
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	4.676.879.911	5.055.815.264
Thu nhập miễn thuế	(11.369.351.654)	(8.376.383.950)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận		
đối với khoản lỗ tính thuế mang sang năm sau	6.342.479.710	2.285.112.584
Dự phòng thiếu trong những năm trước	614.289.856	191.654.890
	11.006.796.040	10.489.543.735

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và JVL có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với MCM, theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, MCM được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên; và
- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các khoản thu nhập khác của MCM chưa tính các ưu đãi là 20%.

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	15.855.883.128	14.138.197.974
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(7.324.158.451)	(6.302.679.430)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	8.531.724.677	7.835.518.544
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	212.491.611	212.491.611
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	40	37

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	212.491.611	212.491.611

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ		
<i>Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	358.694.710.805	275.761.507.146
Mua hàng hóa, dịch vụ	12.534.201.480	15.995.319.524
Cổ tức	9.737.790.000	9.737.790.000
Bán tài sản cố định	-	3.920.351.174
Công ty liên quan khác		
<i>Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	39.833.055.822	34.734.025.700
<i>Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa</i>		
Mua hàng hóa	5.039.391.037	388.421.215
Bán hàng hóa	780.726.022	-
<i>Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	6.942.000.000	7.317.900.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Lương và thưởng	384.000.000	450.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Tiền lương và thù lao	240.000.000	312.000.000

44. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Cần trừ công nợ giữa đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi và phải trả tiền mua sữa trong kỳ	-	23.642.600.000

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

45. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 lần lượt đã được kiểm toán và soát xét.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Đức Nam
Phó Tổng Giám đốc

Người duyệt:



Đoàn Quốc Khánh
Tổng Giám đốc

